TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/DS - PT
Ngày 06 - 02 - 2026
V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 695/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 834/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2026/QĐ – PT ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 351 ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Hoặc/và ông Lê Minh T, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 30/1 ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Cùng địa chỉ liên hệ: 105 ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là A khu phố B, phường B, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Thanh T1, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo hợp pháp của ông T1: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số C, ấp C, xã L, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2026.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn H, ông Lê Minh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2022, bà Nguyễn Thanh H1 có vay của bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 735.000.000 đồng cụ thể như sau:

Vào ngày 17/11/2022, bà Nguyễn Thanh H1 có vay của bà N số tiền là 705.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, bà N cho bà H1 vay với lãi suất 3%/tháng. Việc bà H1 vay tiền thì bà H1 có viết giấy nợ cho bà N và hẹn đến ngày 17/12/2022 sẽ trả lại tiền cho bà N.

Vào ngày 27/12/2022, bà H1 không có tiền trả lãi và vốn cho bà N, đồng thời bà H1 xin bà N cho vay tiếp 30.000.000 đồng. Vì là chỗ quen biết và cũng là chị em kết nghĩa nên bà N tiếp tục cho bà H1 vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng. Việc bà H1 vay thêm của bà N số tiền 30.000.000 đồng thì bà H1 có viết giấy nợ cho bà N và hẹn đến ngày 07/01/2023 sẽ trả lại hết nợ cho bà N. Tuy nhiên đến ngày 07/01/2023, bà N yêu cầu bà H1 và ông Đặng Thanh T1 trả lại tiền nhưng bà H1 và ông T1 không trả, đồng thời đến ngày 17/01/2023 bà H1 và ông T1 cũng không đóng tiền lãi cho đến nay. Bà N đã nhiều lần gặp bà H1, ông T1 yêu cầu bà H1, ông T1 trả nợ nhưng bà H1, ông T1 vẫn không trả vốn và cũng không đóng lãi cho bà N. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thanh H1 và ông Đặng Thanh T1 là chồng bà H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền nợ là 735.000.000 tiền gốc và tính lãi đối với số tiền trên từ ngày 17/01/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Theo văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh T2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thanh H1, ông Đặng Thanh T1 trình bày: Từ ngày 10/3/2019 đến 31/12/2022, bà Nguyễn Thanh H1 đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị N với tổng số tiền gốc 555.000.000 đồng. Bà N áp dụng lãi suất từ 3% đến 5%/tháng (tương đương 36% - 60%/năm) cho từng khoản vay. Bà H1 đã thanh toán đầy đủ lãi đến ngày 31/12/2022

với tổng số tiền là 698.850.000 đồng.Từ 17/01/2023 đến 17/5/2025, do hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, bà H1 không còn khả năng thanh toán nên bà H1 không trả cho bà N. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, mức lãi suất tối đa không quá 20%/năm. Đối chiếu với số tiền gốc 555.000.000 đồng, số tiền lãi tối đa mà bà H1 có nghĩa vụ phải trả là 332.908.328 đồng. Bà H1 đã trả cho bà N tổng cộng 698.850.000 đồng, vượt quá số tiền lãi hợp pháp là 365.941.672 đồng. Vì vậy, số tiền 555.000.000 đồng bà H1 đã vay của bà N, bà H1 đã trả 365.941.672 đồng. Như vậy, tính đến ngày 17/01/2023, bà H1 chỉ nợ bà Nguyễn Thị N 189.058.328 đồng (tiền gốc) và chưa đóng lãi cho bà N từ ngày 17/01/2023 đến nay. Riêng phần lãi bà H1 đề nghị Tòa án xem xét phần lãi suất theo đúng quy định pháp luật. Nay bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết, xem xét chỉ công nhận bà H1 còn thiếu bà N với số tiền 189.058.328 đồng tiền gốc và 88.200.000 đồng tiền lãi.

Về 02 giấy vay tiền đứng tên "Nguyễn Thị Thu N": Cuối năm 2022, do không còn khả năng đóng lãi và hoàn vốn, bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà H1 ký thêm các giấy tờ vay tiền mặc dù thực tế bà H1 không nhận thêm bất kỳ khoản tiền nào. Cụ thể:

Ngày 17/11/2022: Bà H1 ký giấy ghi vay số tiền 705.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng (đến 17/12/2022). Thực chất, đây là giấy xác nhận tổng dư nợ tại thời điểm ký, dùng để hợp thức hóa các khoản vay trước đó, không có việc giao tiền mới.

Ngày 27/12/2022: Bà N tiếp tục buộc bà H1 ký thêm giấy vay số tiền 30.000.000 đồng. Khoản này không phải tiền vay, mà là tiền lãi phát sinh từ số tiền 705.000.000 đồng theo thỏa thuận miệng trước đó.

Việc ký các giấy tờ trên diễn ra trong tình trạng bà H1 bị thúc ép, nội dung do phía bà N soạn sẵn, bà H1 được yêu cầu ký nhiều giấy và không được giữ bản nào. Vì vậy, bà H1 không thể nhớ đầy đủ tên gọi, số lượng và nội dung từng giấy, chỉ khi Tòa án thông báo thì bà H1 mới biết các giấy tờ này được phía bà N sử dụng trong vụ án. Các giấy tờ trên đều đứng tên "Nguyễn Thị Thu N", khác với người cho vay thực tế là bà Nguyễn Thị N.

Việc bà H1 vay tiền và tham gia chơi hụi ngoài chợ hoàn toàn do bà Hồng T3 thực hiện, ông Đặng Thanh T1 không hề biết, không tham gia và cũng không bàn bạc gì với ông T1. Mặc dù vợ chồng có chung sống nhưng mỗi người tự lo cuộc sống riêng, tiền bạc độc lập. Vì vậy, các giao dịch vay tiền với bà Nguyễn Thị N đều do bà H1 tự quyết định và tự chịu trách nhiệm, ông T1 không biết nên không đồng ý cùng bà H1 trả nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thanh H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 905.814.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Đặng Thanh T1 cùng liên đới với bà H1 trả tiền vay cho bà N.Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.Ngày 09 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đặng Thanh T1 cùng với bà Nguyễn Thanh H1 trả số tiền nợ 905.814.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà N. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Việc bà Nguyễn Thanh H1 vay tiền của bà Nguyễn Thị N thì chỉ một mình bà H1 ký tên vào biên nhận, ông Đặng Thanh T1 cho rằng ông T1 không biết việc bà H1 vay tiền của bà N và không có sử dụng số tiền vay này. Do đó, kháng cáo của bà N yêu cầu ông T1 cùng liên đới với bà H1 trả số tiền nợ vay cho bà N là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thanh H1 vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ; ông Phạm Văn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N yêu cầu buộc ông Đặng Thanh T1 cùng liên đới với bà Nguyễn Thanh H1 trả số tiền nợ vay, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy viết tay ngày 17/11/2022 thể hiện bà H1 có vay của bà N số tiền 705.000.000đồng và tại biên nhận ngày 27/12/2022 bà H1 vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 18/8/2025, bà Nguyễn Thanh H1 thừa nhận việc bà H1 vay tiền của bà N là để góp hụi nhưng do chủ hụi bỏ trốn nên bà H1 không có tiền trả cho bà N (BL 36 – 37). Mặc dù ông Đặng Văn T4 không có ký tên vào các bên nhận nợ trên nhưng ông T4 và bà H1 là vợ chồng sống chung với nhau, cùng tạo lập kinh tế gia đình; việc bà H1 vay tiền của bà N là để góp hụi, mục đích cũng là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Do đó, ông T4 phải có nghĩa vụ cùng với bà H1 trả số tiền nợ vay cho bà N.[3] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thanh H1, ông Đặng Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 905.814.000 đồng (trong đó nợ gốc 735.000.000 đồng, tiền lãi 170.814.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thanh H1, ông Đặng Thanh T1.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng